

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HCST

Ngày: 15/11/2019.

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy
Quyết định hành chính; Yêu
cầu thực hiện hành vi hành
chính liên quan đến lĩnh vực
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC - TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần hội đồng xét xử hành chính sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

2/. Ông Trần Phúc Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh. Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Ông Y Dim Kbuôr. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2019 tại hội trường TAND Huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLHC-ST ngày 16/9/2019 theo quyết định đưa vụ án số: 01/2019/QĐXXST-HC, ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính; Yêu cầu thực hiện hành vi hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

- Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị L; sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L: Ông Phan Ngọc N, sinh năm: 1954. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2019 (Có mặt).

Địa chỉ: số 69, Nguyễn Đức C, Phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện:

1/ UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân A.

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Chủ tịch UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Xuân A.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Ông Nguyễn Xuân A có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn L1; sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Bùi Thị X; sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 7a, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Bùi Văn D; sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố P, Phường E, thị xã I, tỉnh G.

4. Ông Bùi Văn T2; sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Phố SĐ, phường M, thị xã I, tỉnh G.

5. Bà Bùi Thị Hoa L2; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố O, phường M, thị xã I, tỉnh G.

+ Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn L1, anh Bùi Văn T2, chị Bùi Thị Hoa L2, anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị X là ông Phan Ngọc N, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: số 69, Nguyễn Đức C, Phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: TDP 2, thị trấn R, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân V; Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân S (Có mặt).

Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Theo văn bản ủy quyền số 38/GUQ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2019 cũng như, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L là ông Phan Ngọc N trình bày:

Vào năm 1982 vợ chồng ông Bùi Văn Đ (chết năm 2008), bà Huỳnh Thị L có nhận chuyển nhượng của ông Trần V diện tích đất 3.000m² tại thôn T1, xã H, huyện K lúc đó gia đình bà L do ông Bùi Văn Đ đứng tên chủ hộ. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất trên đất không có bất kỳ tài sản nào, sau khi bà L và ông Đ nhận chuyển nhượng thì tiến hành trồng cây cà phê trên đất. Gia đình bà L sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp với bất kỳ ai, đến năm 1996 thì ông Bùi Văn Đ đi kê khai để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 10/11/1996 được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được cấp là 1.710 m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K066423 cho hộ ông Bùi Văn Đ. Sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện K chuyển về cho UBND xã H để giao lại cho gia đình ông Đ. Nhưng UBND xã H đã giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không đưa ra bất cứ lý do nào mặc dù gia đình bà L đã nhiều lần liên hệ đến UBND xã H để được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2000 UBND xã H mời ông Đ để làm việc, tại biên bản cuộc họp ngày 02/3/2000 ghi rằng ông Đ đồng ý giao trả lại cho ban quản lý đình làng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, vấn đề này gia đình bà L không đồng ý vì các lý do: Đối diện tích đất 1.710m² đất được cấp là đất của hộ gia đình ông Đ gồm ông Đ, bà L cùng các con của bà L và ông Đ, do đó việc UBND xã H không mời tất cả các thành viên trong gia đình bà L tham gia cuộc họp là không đúng. Gia đình bà L chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, nên không có việc giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông Đ là một người dân nên không am hiểu về pháp luật và đã ký vào biên bản này. Mặt khác diện tích đất 1.710m² là tài sản chung của gia đình ông Đ nên một mình ông Đ không thể tự quyết định. Do đó nội dung biên bản cuộc họp ngày 02/3/2000 là không có giá trị pháp lý. Việc ông Đ ký vào biên bản làm việc nói trên và việc UBND xã H không tiến hành giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các thành viên trong gia đình bà L không biết. Đến tháng 9 năm 2017 gia đình bà L mới biết việc UBND huyện K cấp đất cho gia đình bà. Ngày 05/9/2017 gia đình bà L đã làm đơn khiếu nại về việc không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến UBND xã H, ngày 27/10/2017 UBND xã H ban

hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND để giải quyết đơn khiếu nại của gia đình bà L. Tại phần Quyết định của Quyết định giải quyết khiếu nại số 200 lại ghi “Giữ nguyên kết quả làm việc giữa UBND xã H với ông Bùi Văn Đ và Ban quản lý đình làng tại buổi làm việc ngày 02/3/2000.”

Việc UBND xã H không thực hiện hành vi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L là không đúng, không có căn cứ pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L. Do đó vào năm 2018 bà L đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án trong đó có yêu cầu UBND xã H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K066423 ngày 10/11/1996. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 28/11/2018 UBND xã H viết giấy cam kết tìm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho gia đình bà L nên bà L đã đồng ý rút đơn khởi kiện. Nhưng đến nay UBND xã H vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên như đã cam kết.

Vì vậy bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu UBND xã H phải thực hiện hành vi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K066423 ngày 10/11/1996 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 có diện tích 1.710m² cho bà L và yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/10/2019 người bị kiện có cung cấp Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của chủ tịch UBND xã H về việc thu hồi và hủy bỏ quyết định số 200 ngày 27/10/2017 liên quan đến nội dung giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị L. Vì vậy đại diện theo ủy quyền của bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Nguyễn Xuân A trình bày: Vào năm 1996 sở Tài nguyên tổ chức việc đăng ký kê khai để cấp sổ đỏ đồng loạt cho các hộ dân trong đó có hộ ông Bùi Văn Đ. Đến ngày 10/11/1996 hộ ông Bùi Văn Đ được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Bùi Văn Đ đối với diện tích đất 1.710m². Sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi không biết chính xác. Sau khi ban hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện K giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng về cho UBND xã H để UBND xã giao lại cho các hộ dân theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân UBND xã phát hiện một số giấy chứng nhận đăng ký phân đất công như trường học, nghĩa trang. Đối với trường hợp của hộ ông Đ, cán bộ địa chính đã giao cho ông Đ. Nhưng sau khi ông Đ được

cấp đất thì các hộ dân và Ban quản lý đình làng đã làm đơn đề nghị xã giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ. Theo các chứng từ ban quản lý đình làng cung cấp cho UBND xã sau khi ông Đ được cấp đất thể hiện: Vào khoảng năm 1985, ban đại diện đình làng có cho hộ ông Đ thuê đất mỗi năm phải đóng cho làng số tiền 300.000đ, giữa hai bên có lập giấy tờ về việc thuê đất. Hiện nay các giấy tờ này ban đại diện đình làng đang lưu giữ. Sau đó ông Đ tự ý đi kê khai để làm thủ tục cấp đất diện đất 1.710m² nêu trên để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận đơn của ban quản lý đình làng, UBND xã H đã mời ông Đ và Ban quản lý đình làng để làm việc. Tại buổi làm việc ngày 02/3/2000 ông Đ đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đình làng do diện tích đất trên là của đình làng và ông Đ tự ý kê khai làm sổ đỏ. Do đó UBND xã H đã không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Đến tháng 9/2017 UBND xã H nhận được đơn khiếu nại về việc không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND xã H đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà L.

Vào năm 2018, bà Huỳnh Thị L có khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện K trong đó có yêu cầu UBND xã H giao GCNQSDĐ số K066423 ngày 10/11/1996. Trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 28/11/2018 ông Hải viết giấy cam kết sẽ chỉ đạo các bộ phận chuyên môn truy tìm GCNQSDĐ nêu trên của hộ ông Bùi Văn Đ và đồng thời ra Quyết định hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 200 ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H. Hiện nay Chủ tịch UBND xã H đã ban hành quyết định số 147/QĐ-UBND, ngày 29/11/2018 về việc thu hồi và hủy bỏ quyết định số 200 ngày 27/10/2017 liên quan đến nội dung giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị L. Đối với việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L thì UBND xã H vẫn chưa thực hiện được vì chưa tìm thấy GCNQSDĐ số K066423 ngày 10/11/1996. Mặt khác, sự việc này Chủ tịch UBND xã đã có báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ, ban chấp hành nhưng Ban chấp hành Đảng ủy xã H không thống nhất việc giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho gia đình bà L nên không đồng ý về yêu cầu giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của bà L theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K trình bày: Vào năm 1996 Sở địa chính (Sở Tài nguyên và Môi trường) tổ chức đo đạc thành lập bản đồ địa chính và đăng ký kê khai đồng loạt tại xã H, sau khi hội đồng kiểm duyệt hồ sơ xem xét đồng ý cấp đất, UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng, hiện trạng,

quy hoạch, tranh chấp thì sẽ chuyển hồ sơ lên UBND huyện K để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Bùi Văn Đ. Đến ngày 11/10/1996 sau khi xem xét đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Đ, xét thấy hồ sơ xin cấp đất của ông Bùi Văn Đ đầy đủ và được sự đồng ý của hội đồng xét duyệt cấp xã nên UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 diện tích được cấp là 1.710m². Tại thời điểm cấp thì đất ông Đ không tranh chấp với ai. Khi UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ thì UBND huyện cũng không nhận được đơn thư khiếu nại gì về việc cấp đất cho ông Đ. Sau khi UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện giao lại cho xã H để UBND xã H có trách nhiệm giao lại cho các hộ dân trong đó có hộ ông Bùi Văn Đ. Theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sau khi UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và giao giấy chứng nhận lại cho UBND cấp xã thì UBND cấp xã có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sở hữu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó việc UBND xã H không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ là không đúng với quy định của pháp luật. Năm 2017, UBND huyện K nhận được báo cáo của UBND xã H về trường hợp đất của ông Bùi Văn Đ. Tuy nhiên tại thời điểm nhận được báo cáo thì UBND huyện K nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa Án nên UBND huyện K chờ kết quả giải quyết vụ án tại Tòa Án để đưa ra hướng xử lý. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc UBND xã H thực hiện hành vi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Huỳnh Thị L theo quy định của pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn T2, chị Bùi Thị Hoa L2, anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị X, anh Bùi Văn L1: Ông Phan Ngọc N đồng ý với quan điểm của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

Phản tranh luận: Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Huỳnh Thị L yêu cầu UBND xã H thực hiện hành vi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L và xin rút đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 200 ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa trong phần phát biểu quan điểm của VKS:

- Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào:

Căn cứ Điều 30, Điều 31, **Điều 116**, điểm e khoản 1 **Điều 143, Điều 173**, Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993; Khoản 3 Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L; Buộc UBND xã H thực hiện hành vi hành chính giao cho hộ bà Huỳnh Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 066423 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ, địa chỉ thửa đất tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của chủ tịch UBND xã H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy khiếu kiện của bà Huỳnh Thị L đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND xã H; Yêu cầu UBND xã H thực hiện hành vi hành chính giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và thuộc đối tượng bị kiện trong vụ án hành chính. Yêu cầu khiếu kiện bảo đảm thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ Điều 30, 31 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 11 tháng 9 năm 2017 bà L có đơn khiếu nại gửi UBND xã H, ngày 27/10/2017 UBND xã H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND. Do không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND xã H nên đến ngày 05 tháng 12 năm 2017 bà L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm, ngày 28/11/2018 bà Huỳnh Thị L đã làm đơn rút đơn khởi kiện do đó thời hiệu được tính lại kể từ ngày bà L rút đơn khởi kiện. Đến ngày 16 tháng 9 năm 2019 bà L đã nộp đơn khởi kiện lại. Căn cứ

điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện của bà L trong hạn luật định.

[2]. Về nội dung khiếu kiện của bà Huỳnh Thị L:

Đối với yêu cầu “Buộc UBND xã H thực hiện hành vi hành chính là giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, HĐXX nhận định: Vào năm 1996 Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đo đạc thành lập bản đồ địa chính và đăng ký kê khai đồng loạt tại xã H, sau khi hội đồng kiểm duyệt hồ sơ xem xét đồng ý cấp đất, UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng, hiện trạng, quy hoạch, tranh chấp thì sẽ chuyển hồ sơ lên UBND huyện K để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Bùi Văn Đ. Đến ngày 11/10/1996 sau khi xem xét đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Đ, xét thấy hồ sơ xin cấp đất của ông Bùi Văn Đ đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật nên UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 diện tích được cấp là 1.710m². Việc UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ là đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định của pháp luật. Sau khi UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện chuyển giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho xã H. Như vậy UBND huyện K đã ủy quyền cho UBND xã H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ. UBND xã H có trách nhiệm thực hiện hành vi giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ. Tuy nhiên UBND xã H không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Bùi Văn Đ với lý do: “Ông Bùi Văn Đ tự ý kê khai đất của ban quản lý đình làng để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Đ là vi phạm trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án UBND xã H cho rằng hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ đã bị thất lạc nên không cung cấp bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ biên bản làm việc tại UBND xã H vào ngày 02/3/2000 xác định số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 là K066423.

Tại Khoản 1 Điều 73 của Luật đất đai năm 1993 quy định: “Người sử dụng đất có những quyền sau đây: 1. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Tại Khoản 3 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 quy định:“3. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất không thuộc đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính và trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền cấp”.

Căn cứ các Điều luật viện dẫn nêu trên thì hộ ông Bùi Văn Đ có quyền nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, hiện nay ông Bùi Văn Đ đã chết nên bà Huỳnh Thị L cùng các con bà L được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kể từ thời điểm hộ ông Bùi Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay không có bản án của Tòa án hay Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Bùi Văn Đ. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K ông Nguyễn Xuân S cho rằng “Sau khi UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Đ, UBND huyện K giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho UBND xã H để giao cho người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND xã H không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc buộc UBND xã H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị L là hoàn toàn có cơ sở cần được chấp nhận. Do đó cần buộc UBND xã H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K066423 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 cho bà Huỳnh Thị L được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của chủ tịch UBND xã H, HĐXX nhận định:

Ngày 27/10/2017 Phó chủ tịch UBND xã H thay mặt Chủ tịch UBND xã H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND; Ngày 29/01/2018 chủ tịch UBND xã H đã ban hành quyết định số 147/QQĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy

quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của chủ tịch UBND xã H. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 143, Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của chủ tịch UBND xã H là hoàn toàn có căn cứ.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 32 nghị Quyết 326/2016/UBNDTQH14 ngày 30/12/2016: Buộc UBND xã H, huyện K phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 31, Điều 116, điểm e khoản 1 Điều 143, Điều 173, Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Khoản 3 Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết 326/2016/UBNDTQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khiếu kiện của bà Huỳnh Thị L.

- Buộc UBND xã H thực hiện hành vi hành chính giao cho hộ bà Huỳnh Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 066423 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Bùi Văn Đ, địa chỉ thửa đất tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của chủ tịch UBND xã H.

Về án phí: Buộc UBND xã H, huyện K phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đối với tiền tạm ứng án phí: Tại thời điểm khởi kiện bà Huỳnh Thị L là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do đó không đề cập giải quyết.

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị kiện UBND xã H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc,
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hoàng Long